

Số: 38 /2018/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 29 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNN&PTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số: 219 /TTr-SNN ngày 21/11/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Lào Cai;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NLN1, TNMT2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong

QUY ĐỊNH

Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2018/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi đang triển khai xây dựng hoặc đang lập dự án đầu tư và công trình đã xây dựng, được đưa vào quản lý và khai thác trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các nội dung khác không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định của Luật Thủy lợi, Thông tư số 05/2018/TT-BNN&PTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh

1. Đập cửa hồ chứa nước và lòng hồ chứa nước: Phạm vi vùng phụ cận của đập và lòng hồ chứa nước thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 40, Luật Thủy lợi.

2. Đập tràn: Vùng phụ cận của đập tràn tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra về phía thượng lưu là 15m, về phía hạ lưu là 15m và hai bên vai đập trở ra là 10m.

3. Kênh và công trình trên kênh

a) Kênh:

- Kênh có lưu lượng từ $2\text{m}^3/\text{s}$ trở lên: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 40, Luật Thủy lợi.

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $2\text{m}^3/\text{s}$: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài trở ra là 1,5m đối với kênh đất; kênh kiên cố tính từ mép ngoài khối xây đúc ra mỗi bên 1,0m.

- Các đoạn kênh đi qua khu đông dân cư có nhà ở liền kề ven kênh, phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài kênh trở ra là 1,0m.

- Kênh ống kín: Phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài hố ga ra mỗi bên 1,0m và áp dụng dọc theo chiều dài tuyến ống.

- Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ thiết kế kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận được thực hiện theo quy định chung về hành lang bảo vệ công trình giao thông nhưng không được nhỏ hơn vùng phụ cận bảo vệ công trình thủy lợi theo quy mô kênh tương ứng.

b) Công trình trên kênh: Phạm vi vùng phụ cận từ phần xây đúc hoặc gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra là 1,0m.

4. Kè sông, suối: Phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ phần xây đúc ngoài cùng của kè ra mỗi phía: Đối với Kè cấp đặc biệt tối thiểu là 100,0 m; Kè cấp I tối thiểu là 50,0 m; Kè cấp II tối thiểu là 30,0 m; Kè cấp III tối thiểu là 20,0 m; Kè cấp IV tối thiểu là 10,0 m.

5. Tường chắn đất: Phạm vi vùng phụ cận được giới hạn từ phần xây đúc ngoài cùng của tường ra mỗi phía: Đối với Tường cấp đặc biệt tối thiểu là 100,0 m; Tường cấp I tối thiểu là 50,0 m; Tường cấp II tối thiểu là 30,0 m; Tường cấp III tối thiểu là 20,0 m; Tường cấp IV tối thiểu là 10,0 m.

6. Trạm bơm:

a) Trạm bơm có hàng rào bao quanh: Phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài móng hàng rào bảo vệ trở vào.

b) Trạm bơm không có hàng rào bao quanh: Phạm vi vùng phụ cận tính từ mép ngoài phần xây đúc ra các phía là 10m.

Điều 4. Cấm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi

1. Các trường hợp phải cấm mốc chỉ giới:

a) Đập của hồ chứa nước, lòng hồ chứa nước, kênh dẫn nước: Thực hiện theo Điều 19, Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Kè sông, suối, tường chắn đất: Tất cả các kè sông, suối, tường chắn đất kiên cố có chiều dài tuyến từ 200m trở lên.

2. Quy định về cột mốc và khoảng cách các mốc chỉ giới

a) Quy định về cột mốc: Thực hiện theo Khoản 1, Điều 20, Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Khoảng cách các mốc:

- Đối với đập của hồ chứa nước, lòng hồ chứa nước, kênh dẫn nước: Thực hiện theo Điều 20, Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đối với kè sông, suối, tường chắn đất: Khoảng cách giữa hai mốc liên nhau là 100m; trường hợp kè, tường chắn đất gần hoặc trong khu đô thị, dân cư tập trung là 50m. Tại các điểm chuyên hướng của đường chỉ giới phải có mốc.

3. Hồ sơ phương án cấm mốc, phê duyệt phương án cấm mốc, trách nhiệm cấm mốc, bảo vệ mốc chỉ giới: thực hiện theo các Điều 21, 22, 23, 24, Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Đối với các công trình thủy lợi không quy định phải cấm mốc chỉ giới: Tổ chức thủy nông cơ sở quản lý công trình có trách nhiệm lập hồ sơ, bản đồ địa chính khoanh vùng phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt để quản lý đất đai phạm vi vùng phụ cận theo quy định của pháp luật.

5. Đối với các công trình thủy lợi đã đưa vào khai thác trước khi Quy định này có hiệu lực và chưa cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi vùng phụ cận thì phải tiến hành cấm mốc chỉ giới. Nguồn kinh phí cấm mốc chỉ giới; lập hồ sơ, bản đồ địa chính khoanh vùng phạm vi vùng phụ cận (*đối với công trình không phải cấm mốc chỉ giới*): công trình do cấp nào quản lý thì UBND cấp đó chịu trách nhiệm bố trí kinh phí.

6. Đối với các công trình thủy lợi đang triển khai xây dựng hoặc đang lập dự án đầu tư, sau khi Quy định này có hiệu lực, Chủ đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận công trình và bàn giao cho tổ chức, cá nhân được giao quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, tổ chức, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi thực hiện Quy định này; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các phương án bảo vệ công trình thủy lợi của các tổ chức, cá nhân.

b) Theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này; tổng hợp các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề xuất sửa đổi kịp thời.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn chi tiết thủ tục giao đất, thu hồi đất, quản lý, sử dụng đất trong phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi.

3. Sở Giao thông vận tải- Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc xác định lộ giới, phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi có kết hợp giao thông.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4. Sở Tài chính: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với các trường hợp bị thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định hiện hành.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện quy định này.

b) Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này trên địa bàn; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan trên địa bàn thực hiện quy định này.

c) Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật, xử lý các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.

d) Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật;

e) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

g) Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tuyên truyền, phổ biến quy định này tại địa phương.

b) Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thực hiện cấm mốc và quản lý mốc giới phạm vi vùng phụ cận công trình khi được bàn giao.

c) Phối hợp kịp thời với các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong việc rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi vùng phụ cận công trình để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định.

d) Kịp thời xử lý những hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép phạm vi vùng phụ cận công trình trên địa bàn theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền xử lý thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời.

Điều 8. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi

a) Lập, trình thẩm định, trình phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới vùng phụ cận công trình thủy lợi.

b) Tổ chức cấm mốc, quản lý các mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận công trình.

c) Chủ trì đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố nơi có công trình rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi vùng phụ cận công trình, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

d) Lập và bàn giao hồ sơ quản lý phạm vi vùng phụ cận công trình cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn để phối hợp quản lý.

e) Chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ, quản lý phạm vi vùng phụ cận công trình. Trường hợp phạm vi vùng phụ cận công trình bị lấn chiếm, sử dụng trái phép phải kịp thời báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn nơi có phạm vi vùng phụ cận bị vi phạm để kịp thời phối hợp xử lý.

g) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý, sử dụng vùng phụ cận công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

h) Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm; phối hợp các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền việc thực hiện quy định này trên địa bàn.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao thực hiện Quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Xuân Phong